

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUỒN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DSST
Ngày 27 tháng 9 năm 2021
“V/v tranh chấp về thừa kế tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUỒN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK**
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hối.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Vĩnh Trung.
2. Ông Y Đưng Knul.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa :
Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/8/2021 và 27/9/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2021/TLST-DS ngày 03/3/2021 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐST-DS ngày 05/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 20/7/2021, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01 ngày 13/8/2021, thông báo về việc tiếp tục phiên tòa ngày 09/9/2021 và thông báo về việc dời phiên tòa ngày 13/9/2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L – sinh năm 1944.

Địa chỉ: Thôn H, xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người được nguyên đơn ủy quyền: Ông Y A T Niê - sinh năm 1994.

Địa chỉ: 306, đường N, phường T, thành phố B M T, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến Th - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư B K.

Địa chỉ: 306, đường N, phường T, thành phố B M T, tỉnh Đắk Lắk(có mặt).

Bị đơn: Ông Vũ Văn Ngh – sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn 3, xã I A T, huyện Ch, tỉnh Gia Lai(vắng mặt).

Và các bị đơn:

Bà Vũ Thị Th 1 - sinh năm 1962.

Trú tại: Thôn H, xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Vũ Thị Th2 - sinh năm 1964.

Trú tại: Thôn H, xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Vũ Thị V - sinh năm 1967.

Trú tại: Thôn H, xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Vũ Thị K H - sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn H, xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người được các bị đơn Vũ Thị Th 1, Vũ Thị Th 2, Vũ Thị V, Vũ Thị K

H ủy quyền:

Bà Nguyễn Thị Th 3 - sinh năm 1976.

Địa chỉ: 91 đường T, phường T N, thành phố B M T, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 /02/2021 của bà Vũ Thị L và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Vũ Thị L và người đại diện theo ủy quyền- ông Y A T Niê trình bày:

Bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn H (sinh năm 1936, chết ngày 12/12/1995) là vợ chồng. Ông bà sinh được 05 người con, gồm: Vũ Thị Th 1, sinh năm 1962, Vũ Thị Th 2, sinh năm 1964, Vũ Thị V , sinh năm 1967, Vũ Văn Ngh, sinh năm 1972, Vũ Thị K H, sinh năm 1982.

Quá trình chung sống, bà và ông Vũ Văn H tạo lập được tài sản chung gồm:

Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 40, diện tích 6.219m², trong đó 400m² đất ở, 5.819m² đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số K 501394 cho hộ Vũ Thị L ngày 30/6/1997. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc thửa đất là do bà L và ông Vũ Văn H khai hoang mà có từ năm 1980. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do bà L xây dựng từ năm 2007 với diện tích 100m² (rộng 5mx20m) và còn lại khoảng 50 cây điều, 200 cây cà phê với do bà L và ông H trồng từ năm 1985. Hiện nay bà và con gái út Vũ Thị K H đang quản lý, canh tác, sử dụng thửa đất và tài sản trên đất. Giá trị thửa đất và tài sản trên đất khoảng 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 40, diện tích 3.746m², đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số K 501395 cho hộ Vũ Thị L ngày 30/6/1997. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 Hòa Nam (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc thửa đất là do bà L và ông Vũ Văn H khai hoang mà có từ năm 1980 sau đó trồng màu cải tạo đất. Năm 1985 ông bà trồng cà phê. Đến năm 2015 bà nhổ bỏ cà phê do già cỗi, chuyển sang trồng bắp (ngô). Cũng năm 2015 thì bà giao cho con gái là Vũ Thị Th 1 quản lý, canh tác, sử dụng thửa đất đến nay. Giá trị thửa đất khoảng 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 40, diện tích 841m², đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số K 501393 cho hộ Vũ Thị L ngày 30/6/1997. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc thửa đất là do bà L và ông Vũ Văn H khai hoang mà có từ năm 1980 sau đó trồng màu cải tạo đất. Năm 1990 ông bà trồng cà phê. Đến năm 2015 bà nhổ bỏ cà phê do già cỗi, chuyển sang trồng màu. Cũng năm 2015 thì bà giao cho con gái là Vũ Thị V quản lý, canh tác, sử dụng thửa đất đến nay. Giá trị thửa đất khoảng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Thửa đất có diện tích khoảng 2.000m², đất trồng lúa, chưa được cấp GCNQSDĐ. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc thửa đất là do bà và ông Vũ Văn H khai hoang mà có từ năm 1990, sau đó trồng lúa. Đến năm 2000 thì bà giao cho con trai là Vũ Văn Ngh quản lý, canh tác, sử dụng cho đến nay và đã mức ao. Giá trị thửa đất khoảng 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Thửa đất có diện tích khoảng 2.000m², đất trồng lúa, chưa được cấp GCNQSDĐ. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc thửa đất là do bà và ông Vũ Văn H khai hoang mà có từ năm 1990, sau đó trồng lúa. Hiện nay bà L đang quản lý, canh tác, sử dụng thửa đất. Giá trị thửa đất khoảng 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Ngày 12/12/1995, chồng bà là ông Vũ Văn H chết đi không để lại di chúc. Bố đẻ, mẹ đẻ ông Vũ Văn H đã chết từ lâu (chết trước ông H). Như vậy những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chồng bà là ông Vũ Văn H theo quy định của pháp luật là: Vũ Thị L, Vũ Thị Th 1, Vũ Thị Th 2, Vũ Thị V, Vũ Văn Ngh, Vũ Thị K H.

Ngoài 06 người có tên nêu trên (vợ, con đẻ của ông Vũ Văn H) thì ông Vũ Văn H không còn bố nuôi, mẹ nuôi, con chung, con riêng nào khác nữa. Như vậy, chỉ có 06 người (vợ, con đẻ của ông Vũ Văn H) có tên nêu trên được quyền hưởng thừa kế của ông Vũ Văn H để lại theo pháp luật.

Di sản của ông Vũ Văn H để lại là 1/2 quyền sử dụng đất đối với 05 thửa đất nêu trên. Kể từ khi ông H chết đến nay thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ Văn H chưa yêu cầu chia di sản do ông Vũ Văn H để lại.

Yêu cầu của nguyên đơn bà Vũ Thị L : Phân chia di sản thừa kế do ông Vũ Văn H để lại theo quy định của pháp luật.

Đối với các bị đơn:

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Buôn Đôn đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn Vũ Văn Ngh. Ông Ngh đồng ý về số tài sản chung của bố mẹ còn lại sau khi bố mất. Ông yêu cầu được chia lô đất khoảng 10m mặt đường (nằm trong thửa đất số 12, tờ bản đồ số 40, diện tích 6.219m², trong đó 400m² đất ở, 5.819m² đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số K 501394 cho hộ Vũ Thị L ngày 30/6/1997. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện Bu, tỉnh Đắk Lắk) và khoảng 2.000m² đất trồng lúa, chưa được cấp GCNQSDĐ. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc thửa đất là do bà và ông Vũ Văn H khai hoang mà có từ năm 1990, sau đó trồng lúa. Đến năm 2000 thì bà giao cho ông Vũ Văn Ngh quản lý, canh tác, sử dụng cho đến nay và đã mức ao.

Theo kết quả ủy thác điều tra, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chư P rông- tỉnh Gia Lai, ông Vũ Văn Ngh có nguyện vọng được chia thừa kế bằng đất. Nhưng nếu không chia được bằng đất thì chia bằng tiền. Năm 2008 ông và vợ Lê Thị Q có ở chung với mẹ là bà Vũ Thị L, cùng làm cả phê với mẹ, mọi lợi nhuận mẹ ông đều thu giữ, nhưng ông không có chứng cứ gì về việc này.

Người được các bị đơn Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H ủy quyền:

Bà Nguyễn Thị Th 3 đồng ý với bà Vũ Thị L về tài sản chung của bà và ông Vũ Văn H còn lại như bà L kê khai, đề nghị chia di sản bằng tiền mặt cho những người thừa kế gồm bà Th1, bà Th2, bà V, bà K H, ông Ngh và bà L.

Bà Nguyễn Thị Th3 thống nhất tài sản chung của bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn H sau khi ông H chết như bà L đã kê khai, đồng ý chia di sản (giá trị bằng 1/2 tổng số tài sản chung của bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn H) bằng tiền cho sáu suất là: bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H và ông Vũ Văn Ngh. Nhưng bà Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H từ chối nhận tài sản thừa kế và thống nhất tặng cho lại suất thừa kế của mình cho mẹ là bà Vũ Thị L.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện của nguyên đơn Vũ Thị L(ông Y A T Niê) giữ nguyên yêu cầu, người đại diện của các bị đơn bà Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H - bà Nguyễn Thị Th3 giữ nguyên yêu cầu, cụ thể: thống nhất tài sản chung của bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn H sau khi ông H chết như bà L đã kê khai. Các đương sự đều đồng ý chia di sản (giá trị bằng 1/2 tổng số tài sản chung của bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn H) bằng tiền cho sáu suất là: bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H và ông Vũ Văn Ngh.

Nhưng bà Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H từ chối nhận tài sản thừa kế và thống nhất tặng cho lại suất thừa kế của mình cho mẹ là bà Vũ Thị L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Vũ Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ bảo vệ cho nguyên đơn, nội dung: đồng ý với kết quả định giá 05 lô đất là tài sản chung của bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn H có giá trị 4.401.136.000 đồng (bốn tỷ bốn trăm lẻ một triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng), xác định di sản ông H để lại có giá trị là 2.200.568.000 đồng(hai tỷ hai trăm triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Di sản của ông H để lại chia đều cho 06 suất thừa kế (bà L, các con Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Văn Ngh, Vũ Thị K H) mỗi người được hưởng 366.761.333 đồng (ba trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Các con Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H từ chối nhận suất thừa kế của mình tặng cho lại bà Vũ Thị L. Đề Nghị Tòa án giao cho bà L được quyền sử dụng, sở hữu đối với 04 thửa đất và tài sản gắn liền trên đất, gồm:

- Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 40, diện tích 6.219m², trong đó 400m² đất ở, 5.819m² đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số K 501394 cho hộ Vũ Thị L ngày 30/6/1997. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 40, diện tích 3.746m², đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số K 501395 cho hộ Vũ Thị L ngày 30/6/1997. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H(nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 40, diện tích 841m², đất trồng cây lâu năm,

được UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số K 501393 cho hộ Vũ Thị L ngày 30/6/1997. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

-Thửa đất có diện tích 2.145,4m², đất trồng lúa, chưa được cấp GCNQSDĐ.Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Phần di sản thừa kế mà bà L được nhận và tặng cho là: 366.761.333 đồng x 5 = 1.833.806.667 đồng.

Đề nghị Tòa án chia thừa kế bằng hình thức giao cho ông Vũ Văn Ngh được quyền sử dụng đối với thửa đất có diện tích đo đạc thực tế là 1.980m², đất trồng lúa, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá trị 38.808.000 đồng. Bà Vũ Thị L có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch di sản thừa kế cho ông Vũ Văn Ngh số tiền: 366.761.333 đồng - 38.808.000 đồng = 327.953.333 đồng.

Đề nghị Tòa án tuyên quyền cho các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Vũ Thị L là người cao tuổi, thuộc trường hợp miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị L.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư Ký Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, nhưng Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã làm các thủ tục cần thiết theo quy định, vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 612,613,620, 649, 651, 660 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ vào công sức đóng góp của các đồng thừa kế để chia cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét thấy ông Vũ Văn Ngh vẫn có nguyện vọng nhận đất, đề nghị tòa án căn cứ vào số tiền ông Nghĩ được nhận để chia cho ông một phần đất tương đương với giá trị được nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Vũ Thị L khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế của chồng mình là ông Vũ Văn H để lại, di sản thừa kế đều ở thôn H P, xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Buôn Đôn.

Về sự có mặt của đương sự: bị đơn Vũ Văn Ngh cố tình không có mặt tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành các thủ tục cần thiết, theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ Văn Ngh.

[2] *Về nội dung vụ kiện*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Vũ Thị Liễu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của chồng bà là ông Vũ Văn H để lại.

Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản thừa kế, kết quả cụ thể:

Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 40, diện tích 6.219m², trong đó 400m² đất ở, 5.819m² đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số K 501394 cho hộ Vũ Thị L ngày 30/6/1997. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Giá trị thửa đất và tài sản trên đất là 4.042.000. 617đồng (bốn tỷ không trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm mười bảy đồng).

Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 40, diện tích 3.746m², đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số K 501395 cho hộ Vũ Thị L ngày 30/6/1997. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H(nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Giá trị thửa đất là 224.760.000 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 40, diện tích 841m², đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số K 501393 cho hộ Vũ Thị L ngày 30/6/1997. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Giá trị thửa đất là 50.460.000 đồng (năm mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Thửa đất có diện tích 2.145,4m², đất trồng lúa, chưa được cấp GCNQSDĐ.Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Đất có vị trí: Đông giáp ông Nguyễn Văn H cạnh dài 34m

Tây giáp đất bà L cạnh dài 34m

Nam giáp đất ông D cạnh dài 63,1m

Phía Bắc giáp đường đi vào ruộng.

Giá trị thửa đất là 45.107.440 đồng (bốn mươi lăm triệu một trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

Thửa đất có diện tích khoảng $1.980m^2$, đất trồng lúa, chưa được cấp GCNQSDĐ. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Đất có vị trí: Đông giáp đất bà L cạnh dài 90m.

Tây giáp nương nước cạnh dài 90m.

Bắc giáp đất bà L cạnh dài 22m.

Phía Nam giáp đất ông H cạnh dài 22m

Giá trị thửa đất là 38.808.000 đồng (ba mươi tám triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng).

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là: 4.401.136.000đ (bốn tỷ bốn trăm lẻ một triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Sau khi ông Vũ Văn H chết đi, xác định di sản thừa kế là $\frac{1}{2}$ tổng số tài sản trên là: 4.401.136.000đ (bốn tỷ bốn trăm lẻ một triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng): 2 = 2.200.568.000đ (hai tỷ hai trăm triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Theo kết quả tra cứu hồ sơ hộ khẩu số 515 ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Công an huyện B thì từ thời điểm 04/6/1997 đến tháng 10/2016 trong hộ khẩu của bà Vũ Thị L có các nhân khẩu trên 15 tuổi là: ông Vũ Văn Ngh (con), bà Lê Thị Qu (con dâu) và Chị Vũ Thị K H (con gái). Tuy nhiên về công sức đóng góp để duy trì tài sản, chị Vũ Thị K H không yêu cầu, ông Vũ Văn Ngh và vợ không chứng minh được nên không đề cập.

Nguyên đơn Vũ Thị L, các bị đơn bà Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H giữ nguyên yêu cầu, cụ thể: thống nhất tài sản chung của bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn H sau khi ông H chết như bà L đã kê khai. Các đương sự đều đồng ý chia di sản (giá trị bằng $\frac{1}{2}$ tổng số tài sản chung của bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn H) bằng tiền cho sáu suất là: bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H và ông Vũ Văn Ngh.

Nhưng bà Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H từ chối nhận tài sản thừa kế và thống nhất tặng cho lại suất thừa kế của mình cho mẹ là bà Vũ Thị L.

Như vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị L là có căn cứ chấp nhận, chia phần di sản thừa kế làm sáu phần, mỗi phần: 2.200.568.000đ: 6 = 366.761.000đ (ba trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Do bà Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H từ chối nhận tài sản thừa kế và thống nhất tặng cho lại suất thừa kế của mình cho mẹ là bà Vũ Thị L nên bà L quản lý sử dụng toàn bộ di sản thừa kế và trả bằng tiền mặt cho ông Vũ Văn Ngh 366.761.000đ (ba trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Nhưng do ông Ngh đã được chia mảnh ruộng có diện tích $1.980m^2$, đất trồng lúa, chưa được cấp GCNQSDĐ. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Giá trị thửa đất là 38.808.000 đồng (ba mươi tám triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng). Khấu trừ giá trị mảnh ruộng trên, bà Vũ Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ Văn Ngh số tiền: 366.761.000 đồng - 38.808.000 đồng = 327.967.000 đồng (ba trăm hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

[4]Về án phí: áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vì bà Vũ Thị L thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí.

Áp dụng điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Vũ Văn Ngh phải chịu án phí DSST có giá ngạch đối với giá trị tài sản mình được nhận : $366.761.000\text{đồng} \times 5\% = 16.383.350\text{đồng}$ (mười sáu triệu ba trăm tám mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng).

Các bị đơn Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H từ chối nhận phần di sản thừa kế và cho tặng lại mẹ mình là bà Vũ Thị L nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, nguyên đơn bà Vũ Thị L tự nguyện chịu chi phí 4.000.000đồng (bốn triệu đồng) nên miễn đề cập.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 612, 613, 620, 649, 651, 660 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 66 Luật hôn nhân gia đình.

I.Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị L.

Chấp nhận các bị đơn bà Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H từ chối nhận tài sản thừa kế và thống nhất tặng cho lại suất thừa kế của mình cho mẹ là bà Vũ Thị L.

1. Bà Vũ Thị L được quản lý sử dụng tài sản (gồm 1/2 giá trị tài sản chung của bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn H; suất thừa kế của bà L và suất thừa kế do các bị đơn bà Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H tặng cho) là :

- Thừa đất số 12, tờ bản đồ số 40, diện tích 6.219m², trong đó 400m² đất ở, 5.819m² đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số K 501394 cho hộ Vũ Thị L ngày 30/6/1997. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Giá trị thửa đất và tài sản trên đất là 4.042.000. 617đồng (bốn tỷ không trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm mười bảy đồng).

-Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 40, diện tích 3.746m², đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số K 501395 cho hộ Vũ Thị L ngày 30/6/1997. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H(nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Giá trị thửa đất là 224.760.000 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

-Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 40, diện tích 841m², đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số K 501393 cho hộ Vũ Thị L ngày 30/6/1997. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Giá trị thửa đất là 50.460.000 đồng (năm mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

-Thửa đất có diện tích 2.145,4m², đất trồng lúa, chưa được cấp GCNQSDĐ. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H (nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Đất có vị trí: Đông giáp ông Nguyễn Văn H cạnh dài 34m

Tây giáp đất bà L cạnh dài 34m

Nam giáp đất ông D cạnh dài 63,1m

Phía Bắc giáp đường đi vào ruộng.

Giá trị thửa đất là 45.107.440 đ (bốn mươi lăm triệu một trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

Tổng giá trị tài sản bà Vũ Thị L được quản lý sử dụng là: 4.034.375.000 đồng (bốn tỷ không trăm ba mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

2. Bà Vũ Thị L có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt cho ông Vũ Văn Ngh số tiền 327.967.000 đồng (ba trăm hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

3. Ông Vũ Văn Ngh được quyền sử dụng thửa đất có diện tích khoảng 1.980m², đất trồng lúa, chưa được cấp GCNQSDĐ. Địa chỉ thửa đất tại Thôn 1 H(nay là thôn H P), xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Đất có vị trí: Đông giáp đất bà L cạnh dài 90m.

Tây giáp ruộng nước cạnh dài 90m.

Bắc giáp đất bà L cạnh dài 22m.

Phía Nam giáp đất ông H cạnh dài 22m

Giá trị thửa đất là 38.808.000 đồng (ba mươi tám triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng).

Ông Vũ Văn Ngh được bà Vũ Thị L thanh toán số tiền 327.967.000 đồng (ba trăm hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản ông Vũ Văn Ngh được chia là: 366.761.000 đồng (ba trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn Ngh có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật.

II. Về án phí: Bà Vũ Thị L thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí.

Ông Vũ Văn Ngh phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 16.383.350 đồng (mười sáu triệu ba trăm tám mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng).

Các bị đơn Vũ Thị Th1, Vũ Thị Th2, Vũ Thị V, Vũ Thị K H từ chối nhận phần di sản thừa kế và cho tặng lại mẹ mình là bà Vũ Thị Liễu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm..

III. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Lưu: HS, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trọng Hối